

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 09 THÁNG 02 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng
		TỔNG CỘNG						418 338	140 922	239 041		
I		CẢNG CHÍNH						60 000	12 155	47 845		
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						25 040	12 155	12 885		
1		THAN MIỀN BẮC	08/02	392/02	18/02	STAR CITY	CÁM 5A.1	5 100	2 103	2 997	DỠ	PTCB
							CÁM 6A.1	10 850	4 656	6 194	DỠ	PTCB
							CÁM 6B.1	6 050	3 157	2 893	DỠ	PTCB
2		CP HÀNG HẢI VN	07/02	387/02	14/02	QN 9019	BÙN 3B	2 000	1 996	4	09/02	TD
3		VTT	08/02	396/02	15/02	BN 1809	CỤC XỎ 1C	1 040	243	797	DỠ	TD
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						23 150		23 150		
1		ĐIỆN VĨNH TÂN	09/02	101/02		HAI NAM 88	CÁM 6A.14	23 150		23 150		HỘ LỎN
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						11 810		11 810		
1		ĐẠM HẢ BẮC	09/02	102/02	24/02	QN 4104	CÁM 4A.1	1 800		1 800		HỘ LỎN
2		ĐẠM NINH BÌNH	09/02	96-B/02	24/02	NB 8519	CÁM 4A.1	3 005		3 005		HỘ LỎN
3		ĐẠM HẢ BẮC	09/02	105/02	24/02	QN 4114	CÁM 4B.1	1 700		1 700		HỘ LỎN
4		ĐẠM NINH BÌNH	08/02	96/02		NB 8519	CÁM 4A.1	3 005		3 005		HỘ LỎN
5		ĐẠM HẢ BẮC	08/02	97/02	23/02	TĐ 19-3	CÁM 4A.1	2 300		2 300		HỘ LỎN
		Tàu chuyển tải						188 000	73 581	116 509		
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						25 000	24 802	198		
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	29/01	71/01		VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 6A.10	25 000	24 802	198	09/02	HỘ LỎN
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						88 300	48 779	41 611		
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	02/02	86/02		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CÁM 5A.10	23 300	19 640	3 660	RÓT DỠ	HỘ LỎN
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/02	89/02		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.1	42 000	27 049	14 951	RÓT DỠ	HỘ LỎN
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	06/02	93/02		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 5A.10	23 000	2 090	23 000	RÓT DỠ	HỘ LỎN
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						74 700		74 700		
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	26/01	68/01		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CÁM 6A.10	26 200		26 200		HỘ LỎN
2		ĐIỆN VĨNH TÂN	09/02	99/02		VIỆT THUẬN 26-02	CÁM 6A.14	25 600		25 600		HỘ LỎN
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	09/02	103/02		VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.10	22 900		22 900		HỘ LỎN
II		KHO G9-HÓA CHẤT						21 664	7 554	14 482		
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						7 238	7 182	56		
1		KDT MIỀN BẮC	09/02	406/02	19/02	HP 4882	CÁM 7C	1 256	1 238	18	09/02	PTCB
2		KDT HÀ NỘI	04/02	337/02	11/02	BN 2992	CỤC 1B	1 000	989	11	09/02	TD
3		MẶT TRỜI VIỆT N.BÌNH	06/02	373/02	13/02	NB 8920	CÁM 8A/ĐN-C6	3 000	2 997	3	09/02	TD

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG DKSX

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 09 THÁNG 02 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng
4		XDCN MỎ	06/02	378/02	13/02	BN 1818	CẨM 8A/ĐN-C6	1 982	1 958	24	09/02	TD
		Tàu dự kiến rút trong ngày						4 503	372	4 503		
1		ĐẠM NINH BÌNH	09/02	100/02	24/02	NB 6661	CẨM 4A.1	1 903		1 903		HỖ LỎN
2		VT & KDT	08/02	398/02	15/02	BN 1829	CẨM 8A	1 600	372	1 600	ĐỎ	TD
3		SÔNG HỒNG	04/02	328/02	11/02	BN 2112	CỤC 1A	1 000		1 000		TD
		Tàu đã làm lệnh						9 923		9 923		
1		THAN MIỀN NAM	05/02	346/02	12/02	BN 2646	CỤC 1B	1 100		1 100		TD
2		XNK THAN	06/02	355/02	13/02	BN 1296	CỤC 1B	1 000		1 000		TD
3		ĐT TM & DV	06/02	372/02	13/02	GIA BẢO 68	CỤC 1B	1 500		1 500		TD
4		XDCN MỎ	09/02	405/02	16/02	BN 1879	CỤC 1B/ĐN-C6	1 060		1 060		TD
5		THAN SÔNG HỒNG	09/02	375/02	13/02	HP 6134	CẨM 8A/ĐN-C6	1 963		1 963		TD
6		TRƯỜNG ANH 888	09/02	404/02	16/02	HP 6131	CẨM 8A/CS	1 800		1 800		TD
7		KDKS,DV CẢNG TNV	09/02	407/02	16/02	HN 1930	CẨM 8A/CS	1 000		1 000		TD
						CẨM 8A/ĐN-C6	500			500		TD
III		KHO BẢO NGUYỄN						-		-		
		Tàu đã làm hàng										
		Tàu dự kiến rút trong ngày										
		Tàu đã làm lệnh										
IV		KHO CẢNG KM6						40 837	22 692	18 145		
		Tàu đã làm hàng						22 128	21 720	408		
1		KDT MIỀN BẮC	07/02	386	17/02	HOÀNG ANH 45	Cẩm 6a.1	3 350	2 999	351	09/02	PTCB
2		KDT MIỀN BẮC	08/02	390	18/02	HP 6194	Cẩm 6b.1	5 408	5 394	14	09/02	PTCB
3		KDT MIỀN BẮC	08/02	393	18/02	NB 8177	Cẩm 5a.1	2 350	2 344	6	09/02	PTCB
4		KDT MIỀN BẮC	08/02	394	18/02	NB 8295	Cẩm 5a.1	2 600	2 593	7	09/02	PTCB
5		XNK THAN VINACOMIN	08/02	397	18/02	QN 8540	Cẩm 5a.1	5 400	5 377	23	09/02	PTCB
6		KDT HẢI PHÒNG	09/02	399	19/02	HP 4845	Cẩm 5b.1	1 100	1 095	5	09/02	PTCB
7		KDT HẢI PHÒNG	09/02	408	19/02	QN 9379	Cẩm 5b.1	1 920	1 918	2	09/02	PTCB
		Tàu dự kiến rút trong ngày						13 530	972	12 558		
1		CROMIT CB THANH HÓA	06/02	379	16/02	NGUYỄN DƯƠNG 668	Cẩm 5b.1	4 450		4 450		PTCB
2		XNK THAN VINACOMIN	09/02	403	19/02	QN 7863	Cẩm 5a.1	4 840		4 840		PTCB
3		TM UÔNG BÍ	06/02	374	13/02	QN 4438	Đon 7b	1 210	972	238	ĐỎ	TD
4		NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV	09/02	402	16/02	HOÀNG GIA 56 (VN-3059-VT)	Cục 4a.2	1 360		1 360		BAUXIT

THAY TBGT 96/02
KDTCP: 7.520,08 - CLM: 5.361,08 KVCP: 11.921,24
CLM: 19.000 - KVDB: 4.300
TTCO: 27.048,86 - TTHG: 15.000
CLM:19.000 - KVDB:4.000
KDTCP: 8.000 - CLM: 5.000 - KVCP: 13.200
KDTCP: 13.600 - CLM: 12.000
CLM:20.000 - KVDB:2.900
NGUỒN CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS

[illegible]

[illegible]

